



**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN**

**CHƯƠNG TRÌNH TIÊN TIẾN GIÁO DỤC ĐẠI HỌC  
ADVANCED CURRICULUM OF BACHELOR**

**NGÀNH: NGÂN HÀNG – TÀI CHÍNH**

**Major: Banking – Finance**

**CHUYÊN NGÀNH: TÀI CHÍNH**

**Specialization: Finance**

**XÂY DỰNG TỪ CHƯƠNG TRÌNH CỦA ĐẠI HỌC TỔNG HỢP  
CALIFFORNIA LONG BEACH, HOA KỲ  
BASED ON THE CURRICULUM OF THE CALIFFORNIA STATE  
UNIVERSITY LONG BEACH, USA**

**HÀ NỘI - 2012**

# MỤC LỤC

<b>1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO – Educational Objectives .....</b>	<b>2</b>
<b>2. THỜI GIAN ĐÀO TẠO – Academic program timeline .....</b>	<b>2</b>
<b>3. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA – Required total credits.....</b>	<b>2</b>
<b>4. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH – Enrolment candidates.....</b>	<b>2</b>
<b>5. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP – Educational Process and Graduation Requirements.....</b>	<b>3</b>
<b>6. THANG ĐIỂM – Grading system .....</b>	<b>4</b>
<b>7. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH – Program curriculum .....</b>	<b>4</b>
7.1. Cấu trúc chương trình đào tạo – Curriculum Structure .....	4
7.2. Chi tiết học phần – In details.....	6
<b>8. KẾ HOẠCH HỌC TẬP CHUẨN – Standard Course Sequence.....</b>	<b>11</b>
<b>9. MÔ TẢ VẮN TẮT NỘI DUNG CÁC HỌC PHẦN – Course Description .....</b>	<b>17</b>
9.1. Tiếng Anh (English).....	17
9.2. Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác Lê Nin I, II (Principle of Marxsim and Leninist part I, II).....	18
9.3. Tư tưởng Hồ Chí Minh (Ho Chi Minh’s Ideology) .....	18
9.4. Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam (Lines and policies of revolution of the Vietnamese Communist Party) .....	18
9.5. Giáo dục thể chất (Physical Training) .....	19
9.6. Giáo dục quốc phòng (Defence Training).....	19
9.7. Viết luận (Writing Skills).....	19
9.8. Kinh tế học vĩ mô (Principles of Macroeconomics) .....	20
9.9. Kinh tế học vi mô (Principles of Microeconomics).....	20
9.10. Đại số và giải tích: ứng dụng trong kinh tế và kinh doanh (Algebra and Calculus for Business) .....	20
9.11. Giới thiệu về hệ thống máy tính và các ứng dụng (Introductions to Computer Systems and Applications) .....	21
9.12. Kế toán tài chính căn bản (Elementary Financial Accounting).....	21
9.13. Giới thiệu về luật và các giao dịch kinh doanh (Legal and Business Transactions) .....	21
9.14. Môi trường pháp lý trong hoạt động kinh doanh (Legal and Regulatory Environment of Business).....	22

9.15. Kinh tế lượng và ứng dụng trong kinh tế và kinh doanh (Econometrics and application to business and economics).....	22
9.16. Thống kê kinh doanh (Business Statistics).....	23
9.17. Đạo đức học căn bản (Introduction to Ethics).....	23
9.18. Quyết định tranh luận (Critical Reasoning) .....	24
9.19. Đạo đức trong kinh doanh (Business Ethics).....	24
9.20. Kế toán chi phí cho nhà quản trị (Cost Accounting for Managers).....	24
9.21. Kinh doanh quốc tế (International Businesses).....	25
9.22. Kinh tế học quản lý (Managerial Economics).....	25
9.23. Tài chính kinh doanh (Business Finance) .....	26
9.24. Hành vi tổ chức (Organizational Behavior) .....	26
9.25. Nguyên lý quản trị (Principles of Management).....	26
9.26. Chiến lược và chính sách kinh doanh (Business Strategy and Policy) .....	27
9.27. Marketing (Marketing).....	27
9.28. Hệ thống thông tin quản lý (Management Information Systems) .....	28
9.29. Giao tiếp kinh doanh (Business Communication) .....	28
9.30. Tiền tệ thị trường vốn (Capital Markets).....	28
9.31. Nguyên lý đầu tư (Investment Principles).....	29
9.32. Quản trị tài chính (Intermediate Financial Management).....	29
9.33. Tài chính quốc tế (International Finance) .....	30
9.34. Nguyên lý rủi ro và bảo hiểm (Insurance Principles) .....	30
9.35. Nguyên lý kinh doanh bất động sản (Real Estate Principles).....	31
9.36. Quản lý vốn lưu động và lập ngân sách tiền mặt (Working Capital Management and Cash Budgeting) .....	31
9.37. Phái sinh và phát triển thị trường (Derivates and Futures Markets).....	31
9.38. Quản trị ngân hàng thương mại (Commercial bank Management).....	32
9.39. Phân tích chứng khoán (Security Analysis) .....	33
9.40. Chứng khoán thu nhập cố định (Fixed Income Securities) .....	33
9.41. Thực hành quản trị danh mục đầu tư (Applied Portfolio Management) .....	34
9.42. Nghiên cứu độc lập về tài chính (Independent study in Finance under professor's guidance) .....	34

**CHƯƠNG TRÌNH TIÊN TIẾN GIÁO DỤC ĐẠI HỌC**  
**UNDERGRADUATE ADVANCED CURRICULUM**

<b>Tên chương trình</b>	<b>: Chương trình Tiên tiến</b>
<i>Name of the program</i>	<i>: Bachelor of Finance in English</i>
<b>Trình độ đào tạo</b>	<b>: Đại học (Cử nhân)</b>
<i>Education level</i>	<i>: Bachelor</i>
<b>Ngành đào tạo</b>	<b>: Ngân hàng - Tài chính</b>
<i>Major</i>	<i>: Banking - Finance</i>
<b>Chuyên ngành</b>	<b>: Tài chính</b>
<i>Specialization</i>	<i>: Finance</i>
<b>Hình thức đào tạo</b>	<b>: Chính quy dài hạn</b>
<i>Type of education</i>	<i>: Full-time</i>

## **1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO – Educational Objectives**

Đào tạo cử nhân Tài chính – Ngân hàng có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt; Nắm vững hệ thống kiến thức cơ bản và hiện đại theo chương trình đào tạo tiên tiến trên thế giới về kinh tế – xã hội, quản trị kinh doanh và tài chính - ngân hàng; Có năng lực phân tích, nghiên cứu và giải quyết các vấn đề chuyên môn trong lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng trên giác độ lý luận cũng như trên thực tế; Có khả năng sử dụng thành thạo tiếng Anh trong giao tiếp, học tập, nghiên cứu khoa học và thực hiện công việc chuyên môn.

Sinh viên sau khi tốt nghiệp có thể làm việc tại các doanh nghiệp, ngân hàng thương mại và các cơ quan quản lý tài chính ở trung ương hoặc địa phương, các trường đại học, viện nghiên cứu, các tổ chức tài chính quốc tế.

*Students of the Bachelor of Finance in English program will receive a world-class education in socio-economics, enterprise management and business administration, developing in good health and moral the skills necessary to effectively assess, analyze, research and resolve banking and financial issues.*

*Graduates will be well prepared to work in local, central, and international financial institutions, universities, and research institutes. They will be proficient in English communication for study, work and social events.*

## **2. THỜI GIAN ĐÀO TẠO – Academic program timeline**

Thời gian đào tạo là 4,5 năm, bao gồm cả thực tập và làm khoá luận tốt nghiệp, mỗi năm gồm 3 kỳ học, trong đó có: 2 học kỳ mỗi học kỳ gồm 15 tuần học, 3 tuần thi, kiểm tra và 1 học kỳ gồm 6 tuần học, thi, kiểm tra.

*Students are expected to complete the program in 4.5 years, including internship and thesis writing. Each academic year has two 18-week semesters with each semester consisting of 15 weeks of instruction and 3 weeks of review and examination and one 6-week semester.*

## **3. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA – Required total credits**

Tổng cộng **123** tín chỉ. Không bao gồm kiến thức giảng dạy về bồi dưỡng tăng cường tiếng Anh, an ninh quốc phòng, giáo dục thể chất.

*Credits required: 123 credits excluding 36 credits for English improvement, Physical Education and Military Education*

## **4. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH – Enrolment candidates**

- Những người đã trúng tuyển với kết quả cao vào hệ chính qui trong kỳ thi tuyển sinh đại học hàng năm vào Trường Đại học Kinh tế Quốc dân (KTQD), các đối tượng được tuyển thẳng theo qui định của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Bộ GD&ĐT) Việt Nam.
- Đáp ứng yêu cầu về trình độ tiếng Anh để theo học chương trình đào tạo tiên tiến theo qui định của Trường.

- Tự nguyện tham gia vào chương trình đào tạo tiên tiến.

*Students will be selected based on a combination of academic achievement and English proficiency:*

- *High scores on the Annual National Entrance Examination held by the National Economics University (NEU) OR demonstrated scholastic achievement meeting the requirements of Vietnam's Ministry of Education and Training (MoET) for automatic admission AND.*
- *Meeting the English proficiency requirements for the Bachelor of Finance in English AND,*
- *Joining the program voluntarily upon NEU's offer of admission.*

## **5. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP – Educational Process and Graduation Requirements**

Sinh viên được đào tạo bằng tiếng Anh, chương trình đào tạo được xây dựng trên cơ sở tham khảo chương trình đào tạo ngành tài chính của trường Đại học Long Beach, bang California (CSULB), Hoa Kỳ. Chương trình được thực hiện với sự tham gia của các giảng viên của trường Đại học Kinh tế quốc dân, các giảng viên của các trường đại học khác tại Việt Nam đã tham gia giảng dạy bằng tiếng Anh, các giáo sư của CSULB và các trường Đại học khác của Hoa Kỳ cũng như các giáo sư đến từ các trường đại học của các nước nói tiếng Anh khác.

Quy trình đào tạo được tổ chức theo học chế tín chỉ theo Quy định hiện hành của trường Đại học Kinh tế quốc dân cho Chương trình Tiên tiến và các quy định về tổ chức đào tạo Chương trình Tiên tiến theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT.

Điều kiện tốt nghiệp: Theo quy định hiện hành của trường Đại học Kinh tế quốc dân và các quy định riêng biệt trong quy chế đào tạo áp dụng cho các sinh viên theo học chương trình tiên tiến. Cụ thể, sinh viên phải hoàn thành tất cả các phần học bắt buộc cũng như số học phần tự chọn với tổng khối lượng kiến thức tối thiểu là 130 tín chỉ và hoàn thành các học phần về Giáo dục Thể chất và Giáo dục Quốc phòng.

Ngoài việc hoàn thành các học phần theo chương trình nói trên, sau mỗi năm học sinh viên phải tham dự bài kiểm tra trình độ viết luận tiếng Anh như là một điều kiện để tiếp tục hoặc chuyển tiếp chương trình.

*All courses are conducted in English. The curriculum was modeled after the California State University, Long Beach (CSULB) Bachelors Program in Finance. Lecturers in this program come from a variety of academic institutions, including those from the NEU, CSULB, and other universities in Vietnam, USA and other English speaking countries.*

*The program is based on a credit system, regulated by NEU policies for Advanced Students and MoET guidelines. To remain in the program, students will be required to pass an annual English writing proficiency examination.*

*GRADUATION REQUIREMENTS: Students will be required to complete all of the required courses and a set of electives for a minimum of 157 credits. Moreover, students must complete the certificate programs in both Defense Education and Physical Education in order to graduate.*

*In addition, annually English proficiency exam is required for advanced programs' students, both for studying over and post graduate education articulation as well.*

## **6. THANG ĐIỂM – Grading system**

Các học phần của chương trình Trường Đại học Kinh tế quốc dân và các học phần được xây dựng theo chương trình gốc của CSULB được đánh giá theo thang điểm 10, được ghi cả bằng số và bằng chữ. Thang điểm 10 được quy đổi sang điểm chữ như sau:

*Grades for all coursework in level of the Bachelor of Accounting in English program will be assigned using a five grade level system, ranging from “A” through “D” and “F” as used by CSULB and as per the grading scales from the credit-based undergraduate academic system at NEU. 10 point scale is converted in letters as below:*

	<b>Thang điểm 10 10-scale</b>	<b>Ký tự Letter</b>
<b>Xuất sắc - High Distinction</b>	Từ 9.0 đến cận 10 - <i>From 9.0 less than 10</i>	A+
<b>Giỏi – Distinction</b>	Từ 8.0 đến cận 9.0 - <i>From 8.0 less than 9.0</i>	A
<b>Khá – Credit</b>	Từ 7.0 đến cận 8.0 - <i>From 7.0 less than 8.0</i>	B
<b>Trung bình khá – Strong-pass</b>	Từ 6.0 đến cận 7.0 - <i>From 6.0 less than 7.0</i>	C
<b>Trung bình- Pass</b>	Từ 5.0 đến cận 6.0 - <i>From 5.0 less than 6.0</i>	D
<b>Không đạt - Not Pass</b>	Dưới 5.0 - <i>Less than 5.0</i>	F

## **7. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH – Program curriculum**

### **7.1. Cấu trúc chương trình đào tạo – Curriculum Structure**

Chương trình đào tạo gồm 123 tín chỉ (TC), và các học phần về Giáo dục Thể chất, Giáo dục Quốc phòng và bồi dưỡng tiếng Anh\*)

*The curriculum includes 123 credits, excluding the Defense Education, Physical Education and preparatory English.*

	TT	Khối kiến thức – Knowledge Foundation	TC Credits
<b>Bắt buộc</b> <b>Compulsory</b>	<b>1</b>	<b>Kiến thức giáo dục đại cương tối thiểu</b> <i>(chưa kể các học phần về Giáo dục Thể chất và Giáo dục quốc phòng)</i> <b>Minimum general education</b> <i>(excluding Physical and Defense Trainings and preparatory English)</i>	<b>20</b>
	<b>2</b>	<b>Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp tối thiểu, trong đó:</b> <b>Minimum professional education, in which:</b>	<b>103</b>
	2.1	- Kiến thức cơ sở của khối ngành <i>- Fundamentals of business</i>	6
	2.2	- Kiến thức cơ sở của ngành <i>- Fundamentals of finance major</i>	42
	2.3	- Kiến thức ngành (kể cả kiến thức chuyên ngành) <i>- Specialization in finance</i>	24
<b>Tự chọn</b> <b>Selectives</b>	2.2	- Kiến thức cơ sở của ngành <i>- Fundamentals of finance majors</i>	3
	2.3	- Kiến thức chuyên ngành ( <i>Specialization in finance</i> )	16
	2.4	- Kiến thức bổ trợ, thực tập nghề nghiệp và nghiên cứu cuối khoá <i>- Supportive trainings, internship and independent research</i>	12
		<b>Tổng cộng</b> <b>Total</b>	<b>123</b>



## 7.2. Chi tiết học phần – In details

STT	Khối kiến thức	TC
1	<b>Kiến thức giáo dục đại cương tối thiểu</b> (Chưa kể các học phần về Giáo dục Thể chất và Giáo dục quốc phòng)	56
	Trong đó: đào tạo tiếng Anh	36
2	<b>Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp tối thiểu</b> Trong đó:	103
	- Kiến thức cơ sở của khối ngành	6
	- Kiến thức cơ sở của ngành	45
	- Kiến thức ngành (kể cả kiến thức chuyên ngành)	40
	- Kiến thức bổ trợ, thực tập nghề nghiệp và nghiên cứu cuối khoá	12

### A. Kiến thức giáo dục đại cương

#### A1. Các môn học theo yêu cầu của chương trình đào tạo của KTQD

STT	Mã số gốc môn học	Tên môn học	Số TC	Kỳ đào tạo
1	NEUDC001	Các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin phần I	2	Kỳ 1
2	NEUDC002	Các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin phần II	3	Kỳ 2
3	NEUDC004	Đường lối Cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	Kỳ 3
4	NEUDC005	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Kỳ 2
5	NEUDC100	Giáo dục thể chất	165 tiết	Kỳ 1,2,3
6	NEUDC101	Giáo dục quốc phòng	165 tiết	Kỳ 1,2,3
<b>Tổng số ĐVHT (Chưa tính các học phần 5&amp;6)</b>			<b>10</b>	

**A2. Các môn học thuộc Chương trình tiên tiến**

STT	Mã số môn học	Tên môn học	Số TC	Kỳ đào tạo
1	TA001	Bồi dưỡng kỹ năng Tiếng Anh	36	Kỳ 1, 2
2	ENGL100	Viết luận <i>Writing the Essay</i>	3	Kỳ 3
3	MATH115	Đại số và giải tích: Ứng dụng trong kinh tế và kinh doanh <i>Algebra and Calculus with Application to or Business and Economics</i>	4	Kỳ 4
4	IS233	Giới thiệu về hệ thống máy tính và các ứng dụng <i>Intro to Computer Systems &amp; Applications</i>	3	Kỳ 4
<b>Tổng số TC</b>			<b>10</b>	

**B. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp**

**B1. Kiến thức cơ sở của khối ngành**

STT	Mã số môn học	Tên môn học	Số TC	Kỳ đào tạo
1	ECON100	Kinh tế học vĩ mô <i>Principles of Macroeconomics</i>	3	Kỳ 3
2	ECON101	Kinh tế học vi mô <i>Principles of Microeconomics</i>	3	Kỳ 3
<b>Tổng số TC</b>			<b>6</b>	

**B2. Kiến thức cơ sở của ngành**

**- Các môn học bắt buộc**

STT	Mã số môn học	Tên môn học	Số TC	Kỳ đào tạo
1	IS301	Giao tiếp kinh doanh <i>Business Communication</i>	3	Kỳ 6

2	ACCT201	Kế toán tài chính căn bản <i>Elementary Financial Accounting</i>	3	Kỳ 4
3	BLAW220	Giới thiệu về luật và các giao dịch kinh doanh <i>Legal and Business transactions</i>	3	Kỳ 4
4	BLAW320	Môi trường pháp lý trong kinh doanh <i>Legal and Regulatory Environment of Business</i>	3	Kỳ 4
5	IS310	Thống kê kinh doanh <i>Business Statistics</i>	3	Kỳ 4
6	MATH115B	Kinh tế lượng và ứng dụng trong kinh tế và kinh doanh <i>Econometrics with Application to Economics and Business</i>	3	Kỳ 6
7	ACCT310	Kế toán chi phí cho nhà quản trị <i>Cost Accounting for Manager</i>	3	Kỳ 6
8	ECON333	Kinh tế học quản lý <i>Managerial Economics</i>	3	Kỳ 7
9	MKTG300	Marketing <i>Marketing</i>	3	Kỳ 5
10	CBA300	Kinh doanh quốc tế <i>International Business</i>	3	Kỳ 6
11	HRM360	Hành vi tổ chức <i>Organizational Behavior</i>	3	Kỳ 7
12	MGMT425	Chiến lược và chính sách kinh doanh <i>Business Strategy and Policy</i>	3	Kỳ 8
13	IS300	Management Information Systems <i>Hệ thống thông tin</i>	3	Kỳ 5
14	MGMT300	Nguyên lý quản trị <i>Principles of Management</i>	3	Kỳ 5
<b>Tổng số TC</b>			<b>42</b>	

- Các môn học tự chọn: Sinh viên chọn 1 trong 3 môn dưới đây

STT	Mã số môn học	Tên môn học	Số TC	Kỳ đào tạo
1	PHIL160	Đạo đức học cơ bản <i>Introductory Ethics</i>	3	Kỳ 5
2	PHIL400	Đạo đức trong kinh doanh <i>Business Ethics</i>	3	Kỳ 5
3	PHIL170	Quyết định tranh luận <i>Critical Reasoning</i>	3	Kỳ 5
<b>Tổng số TC</b>			<b>3</b>	

**C. Kiến thức ngành chính**

**C1. Kiến thức chung của ngành chính**

STT	Mã số môn học	Tên môn học	Số TC	Kỳ đào tạo
1	FIN360	Tiền tệ và thị trường vốn <i>Capital Markets</i>	4	Kỳ 6
2	FIN300	Tài chính kinh doanh <i>Business Finance</i>	4	Kỳ 5
3	NEUFIN200	Quản trị ngân hàng thương mại <i>Commercial Bank Management</i>	4	Kỳ 5
<b>Tổng số TC</b>			<b>12</b>	

**C2. Kiến thức chuyên sâu của ngành chính**

- Các môn học bắt buộc

STT	Mã số môn học	Tên môn học	Số TC	Kỳ đào tạo
1	FIN350	Nguyên lý đầu tư <i>Investment Principles</i>	4	Kỳ 7

2	FIN400	Quản trị tài chính <i>Intermediate Financial Management</i>	4	Kỳ 7
3	FIN490	Tài chính quốc tế <i>International Finance</i>	4	Kỳ 8
<b>Tổng số TC</b>			<b>12</b>	

- Các môn học tự chọn: Sinh viên chọn 4 trong các môn dưới đây

STT	Mã số môn học	Tên môn học	Số TC	Kỳ đào tạo
1	FIN330	Nguyên lý rủi ro và bảo hiểm <i>Risk and Insurance Principles</i>	4	Kỳ 7
2	FIN340	Nguyên lý kinh doanh bất động sản <i>Real Estate Principles</i>	4	Kỳ 7
3	FIN370	Quản lý vốn lưu động và Lập ngân sách tiền mặt <i>Working Capital Management and Cash Budgeting</i>	4	Kỳ 7
4	FIN450	Phân tích chứng khoán <i>Securities Analysis</i>	4	Kỳ 8
5	FIN480	Phát sinh và phát triển Thị trường <i>Derivates and Futures Markets</i>	4	Kỳ 8
6	FIN485	Chứng khoán thu nhập cố định <i>Fixed Income Securities</i>	4	Kỳ 7
7	FIN499A	Ứng dụng quản trị danh mục đầu tư I <i>Applied Portfolio Management</i>	4	Kỳ 8
8	FIN499B	Ứng dụng quản trị danh mục đầu tư II <i>Applied Portfolio Management</i>	4	Kỳ 8
<b>Tổng số TC (4 môn)</b>			<b>16</b>	

**D. Kiến thức bổ trợ và thực tập tốt nghiệp và làm khoá luận**

STT	Mã số môn học	Tên môn học	Số TC	Kỳ đào tạo
1		Hội thảo về kỹ năng nghề nghiệp <i>Guest speakers and seminars</i>	3	<b>Kỳ 7,8,9</b>
2		Nghiên cứu độc lập về tài chính <i>Independent study in Finance under professor's guidance</i>	12	<b>Kỳ 8,9</b>
<b>Tổng số TC</b>			<b>12</b>	
<b>TỔNG SỐ TC CẢ KHOÁ HỌC</b>			<b>123</b>	

Ghi chú :

(\*) Phần bồi dưỡng Tiếng Anh sẽ được thiết kế tùy theo trình độ Tiếng Anh của sinh viên

Note :

- (\*) English courses will be designed based on students' English level

**8. KẾ HOẠCH HỌC TẬP CHUẨN – Standard Course Sequence**

TT.	Mã số Code	Tên môn học Courses	TC. CR.
<b>Kỳ học 1</b>			
<b>Các học phần bắt buộc</b> <i>Compulsory courses</i>			
1	TA001	Tiếng Anh 1 English 1	X
2	NEUDC001	Các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin phần I Principle of Marxsim and Leninist Part I	2
3	NEUDC100	Giáo dục thể chất Physical Trainings	X

<b>TT.</b>	<b>Mã số Code</b>	<b>Tên môn học Courses</b>	<b>TC. CR.</b>
4	NEUDC101	Giáo dục quốc phòng Defence Trainings	X
<b>Tổng Tín chỉ</b> <i>Total credits</i>			<b>2</b>
<b>Kỳ học 2</b>			
1	TA001	Tiếng Anh 2 English 2	X
2	NEUDC002	Các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin phần II Principle of Marxsim and Leninist Part II	3
3	NEUDC005	Tư tưởng Hồ Chí Minh Ho Chi Minh School of Thoughts	2
4	NEUDC101	Giáo dục quốc phòng Defence Trainings	X
5	NEUDC100	Giáo dục thể chất Physical Trainings	X
<b>Tổng Tín chỉ</b> <i>Total credits</i>			<b>5</b>
<b>Kỳ học 3</b>			
1	NEUDC004	Đường lối Cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam Lines and policies of revolution of the Vietnamese Communist Party	3
2	ENGL100	Viết luận Writing Skills	3
3	ECON100	Kinh tế học vĩ mô Principles of Macroeconomics	3

<b>TT.</b>	<b>Mã số Code</b>	<b>Tên môn học Courses</b>	<b>TC. CR.</b>
4	ECON101	Kinh tế học vi mô Principles of Microeconomics	3
5	NEUDC101	Giáo dục quốc phòng 2 Defence Trainings	X
6	NEUDC100	Giáo dục thể chất Physical Trainings	X
<b>Tổng Tín chỉ</b> <i>Total credits</i>			<b>12</b>
<b>Kỳ học 4</b>			
<i>Các học phần bắt buộc</i> <i>Compulsory courses</i>			
1	Math115	Đại số và giải tích: Ứng dụng trong kinh tế và kinh doanh Algebra and Calculus for Business	4
2	IS233	Giới thiệu về hệ thống máy tính và các ứng dụng Intro to Computer Systems & Applications	3
3	ACCT201	Kế toán tài chính căn bản Elementary Financial Accounting	3
4	BLAW220	Giới thiệu về luật và các giao dịch kinh doanh Legal and Business Transactions	3
5	IS310	Thống kê kinh doanh Business Statistics	3
<b>Tổng Tín chỉ</b> <i>Total credits</i>			<b>16</b>



<b>TT.</b>	<b>Mã số Code</b>	<b>Tên môn học Courses</b>	<b>TC. CR.</b>
<b>Kỳ học 5</b>			
<i>Các học phần bắt buộc Compulsory courses</i>			
1	FIN300	Tài chính kinh doanh Business Finance	4
2	MKTG300	Marketing Marketing	3
3	IS300	Management Information Systems Hệ thống thông tin	3
4	NEUFIN200	Quản trị ngân hàng thương mại Commercial Bank Management	4
5	BLAW320	Môi trường pháp lý và các quy định trong kinh doanh Legal and Regulatory Environment of Business	3
<i>Các học phần lựa chọn (chọn 1 trong 3 môn sau) Selective courses (1 courses)</i>			
1	PHIL160	Đạo đức học căn bản Introductory Ethics	3
2	PHIL400	Đạo đức trong kinh doanh Business Ethics	3
3	PHIL170	Quyết định tranh luận Critical Reasoning	3
		<b><i>Tổng Tín chỉ Total credits</i></b>	<b>20</b>
<b>Kỳ học 6</b>			
<i>Các học phần bắt buộc Compulsory courses</i>			

<b>TT.</b>	<b>Mã số Code</b>	<b>Tên môn học Courses</b>	<b>TC. CR.</b>
1	FIN360	Tiền tệ thị trường vốn Capital Markets	4
2	MATH115B	Kinh tế lượng và ứng dụng trong kinh tế và kinh doanh Econometrics with Application to Economics and Business	3
3	CBA300	Kinh doanh quốc tế International Business	3
4	ACCT310	Kế toán chi phí cho nhà quản trị Cost Accounting for Managers	3
5	IS301	Giao tiếp trong kinh doanh Business Communication	3
6	MGMT300	Nguyên lý quản trị Principles of Management	3
<b>Tổng Tín chỉ</b> <i>Total credits</i>			<b>16</b>
<b>Kỳ học 7</b>			
<i>Các học phần bắt buộc</i> <i>Compulsory courses</i>			
1	FIN 350	Nguyên lý đầu tư Investment Principles	4
2	FIN 400	Quản trị tài chính Intermediate Financial Management	4
3	HRM 360	Hành vi tổ chức Organizational Behavior	3
4	ECON333	Kinh tế học quản lý Managerial Economics	3

<b>TT.</b>	<b>Mã số Code</b>	<b>Tên môn học Courses</b>	<b>TC. CR.</b>
<i>Các học phần tự chọn (chọn 2 trong số các môn sau)</i> <i>Selective courses (2 courses)</i>			
1	FIN340	Nguyên lý kinh doanh bất động sản Real Estate Principles	4
2	FIN330	Nguyên lý bảo hiểm Insurance Principles	4
3	FIN485	Chứng khoán thu nhập cố định Fixed Income Securities	4
4	FIN370	Quản lý vốn lưu động và lập ngân sách tiền mặt Working Capital Management and Cash Budgeting	4
<b>Tổng Tín chỉ</b> <i>Total credits</i>			<b>22</b>
<b>Kỳ học 8</b>			
<i>Các học phần bắt buộc</i> <i>Compulsory courses</i>			
1	FIN490	Tài chính quốc tế International Finance	4
2	FIN450	Phân tích chứng khoán Security Analysis	4
3	MGMT425	Chiến lược và chính sách kinh doanh Business Strategy and Policy	3
<i>Các học phần tự chọn (chọn 1 trong số các môn sau)</i> <i>Selective courses (1 courses)</i>			
1	FIN480	Phát sinh và phát triển Thị trường	4

<b>TT.</b>	<b>Mã số Code</b>	<b>Tên môn học Courses</b>	<b>TC. CR.</b>
		Derivates and Futures Markets	
2	FIN499A	Thực hành quản trị danh mục đầu tư I Applied Portfolio Management	4
3	FIN499B	Thực hành quản trị danh mục đầu tư II Applied Portfolio Management	4
<b>Tổng Tín chỉ</b> <i>Total credits</i>			<b>15</b>
<b>Kỳ học 9</b>			
1		Hội thảo về kỹ năng nghề nghiệp Guest speakers and seminars	3
2		Nghiên cứu độc lập về tài chính Independent study in Finance under professor's guidance	12
<b>Tổng Tín chỉ</b> <i>Total credits</i>			<b>12</b>
<b>Tổng số TC tối thiểu toàn khoá</b> ( <i>không kể học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng và Bồi dưỡng tiếng Anh</i> ) <b>Total credits (excluding physical and defence training and English)</b>			<b>124</b>

## 9. MÔ TẢ VẮN TẮT NỘI DUNG CÁC HỌC PHẦN – Course Description

### 9.1. Tiếng Anh (*English*)

Mã số - Code : TA001

Điều kiện tiên quyết : Không

*Prerequisites* : *None*

Đây là nội dung ngoại ngữ chuyên ngành về kinh tế và kinh doanh nhằm trang bị cho sinh viên các kiến thức ngoại ngữ nâng cao về kinh tế và kinh doanh. Để theo học phần này, sinh viên phải hoàn tất chương trình ngoại ngữ căn bản. Chương trình giảng dạy sẽ được thiết kế phù hợp với sinh viên.

*This is the fundamental module of English for business and economics aiming at*

*providing students with necessary skills in economics and business. To pursue this module, students should have been trained to use basic English.*

### **9.2 . Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác Lê Nin I, II (*Principle of Marxsim and Leninist part I, II*)**

Mã số - Code : NEUDC001

Số tín chỉ - Credit : 8

Điều kiện tiên quyết : Không

*Prerequisites* : None

Nội dung ban hành tại Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

*Detailed content is issued in the Decision No. 52/2008/QĐ-BGDĐT dated September 18, 2008 of the Ministry of Education and Training.*

### **9.3 . Tư tưởng Hồ Chí Minh (*Ho Chi Minh's Ideology*)**

Mã số - Code : NEUDC005

Số tín chỉ - Credit : 3

Điều kiện tiên quyết : Không

*Prerequisites* : None

Nội dung ban hành tại Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

*Detailed content is issued in the Decision No. 52/2008/QĐ-BGDĐT dated September 18, 2008 of the Ministry of Education and Training.*

### **9.4 . Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam (*Lines and policies of revolution of the Vietnamese Communist Party*)**

Mã số - Code : NEUDC004

Số tín chỉ - Credit : 5

Điều kiện tiên quyết : Không

*Prerequisites* : None

Nội dung ban hành tại Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

*Detailed content is issued in the Decision No. 52/2008/QĐ-BGDĐT dated September 18, 2008 of the Ministry of Education and Training.*

### **9.5 . Giáo dục thể chất (*Physical Training*)**

Mã số - *Code* : NEUDC 100

Số tiết - *teaching hours* : 165 tiết

Điều kiện tiên quyết : Không

*Prerequisites* : *None*

Nội dung ban hành tại Quyết định số 3244/GDDĐT ngày 12/9/1995 và Quyết định số 1262/GD-ĐT ngày 12/4/1997 của Bộ trưởng Bộ giáo Dục và Đào tạo.

*Detailed content is issued in the Decision No. 3244/GD- DDT dated September 12, 1995 of the Ministry of Education and Training.*

### **9.6. Giáo dục quốc phòng (*Defence Training*)**

Mã số - *Code* : NEUDC 101

Số tiết - *teaching hours* : 165 tiết

Điều kiện tiên quyết : Không

*Prerequisites* : *None*

Nội dung ban hành tại Quyết định số 81/2007/QĐ-BGDĐT ngày 24/12/2007 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo.

*Detailed content is issued in the Decision No. 81/2007/QĐ-BGDĐT dated December 24, 2007 of the Ministry of Education and Training.*

### **9.7. Viết luận (*Writing Skills*)**

Mã số - *Code* : ENGL100

Số tín chỉ - *Credit* : 3

Điều kiện tiên quyết : Không

*Prerequisites* : *None*

Khóa học này là nền tảng phục vụ cho kỹ năng viết của sinh viên, tập trung vào thực hành kỹ năng viết. Học phần cũng giúp cho sinh viên lựa chọn những cụm từ hợp lý và phát triển câu, đoạn văn và tập trung vào việc phát triển và tổ chức ý tưởng trong một bài luận tổng quát. Những kỹ năng liên quan tới chính tả và ngữ Tiếng Anh chuẩn cũng được đề cập đến trong môn này.

*Basic course in writing, offering intensive practice in every stage of writing process from generating ideas to final proofreading. Reviews and teaches strategies for choosing appropriate words to developing sentences and paragraphs. Focuses on*

*methods to develop and organize ideas in coherent essays. Teaches conventional mechanics, spelling, and the grammar of standard written English.*

### **9.8. Kinh tế học vĩ mô (*Principles of Macroeconomics*)**

Mã số - *Code* : ECON100

Số tín chỉ - *Credit* : 3

Điều kiện tiên quyết : Không

*Prerequisites* : *None*

Học phần sẽ trang bị những kiến thức nền tảng cho sinh viên, bao gồm tiền tệ và ngân hàng, sự thay đổi giá cả, phân tích thu thập quốc dân, chu kỳ kinh doanh, tăng trưởng kinh tế, chính sách tài khóa, tiền tệ và kinh doanh quốc tế.

*Money and banking, price changes, national income analysis, business cycles, economic growth, fiscal and monetary policy, international trade.*

### **9.9. Kinh tế học vi mô (*Principles of Microeconomics*)**

Mã số - *Code* : ECON101

Số tín chỉ - *Credit* : 3

Điều kiện tiên quyết : Không

*Prerequisites* : *None*

Học phần sẽ tập trung nghiên cứu những vấn đề cơ bản liên quan tới tổ chức kinh doanh, lý thuyết giá cả, phân bổ nguồn lực, phân phối thu nhập, kinh tế công cộng.

*Business organization, price theory, allocation of resources, distribution of income, public economy.*

### **9.10. Đại số và giải tích: ứng dụng trong kinh tế và kinh doanh (*Algebra and Calculus for Business*)**

Mã số - *Code* : MATH115

Số tín chỉ - *Credit* : 4

Điều kiện tiên quyết : *Không*

*Prerequisites* : *None*

Học phần tập trung vào phân tích hàm số, đạo hàm, tối ưu hóa, đồ thị, đạo hàm từng phần, số nhân Lagrange, tích phân và các ứng dụng trong kinh tế và kinh doanh. Học phần tập trung vào các kỹ năng giải quyết vấn đề cụ thể.

*Functions, derivatives, optimization problems, graphs, partial derivatives. Lagrange multipliers, integration of functions of one variable. Applications to business and economics. Emphasis on problem-solving techniques.*

### **9.11. Giới thiệu về hệ thống máy tính và các ứng dụng (*Introductions to Computer Systems and Applications*)**

Mã số - *Code* : IS233

Số tín chỉ - *Credit* : 3

Điều kiện tiên quyết : Không

*Prerequisites* : *None*

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản liên quan tới việc sử dụng các ứng dụng máy tính cá nhân, chẳng hạn như Internet, email, Windows, soạn thảo văn bản, bảng tính và các ứng dụng cơ sở dữ liệu. Mục tiêu giúp cho sinh viên sử dụng thành thạo các ứng dụng máy tính phục vụ cho hoạt động kế toán và kinh doanh.

*An introduction to the use of calculators, the Internet and e-mail, Windows, word processing, spreadsheet, and database applications; basic computer literacy.*

### **9.12. Kế toán tài chính căn bản (*Elementary Financial Accounting*)**

Mã số - *Code* : ACCT201

Số tín chỉ - *Credit* : 3

Điều kiện tiên quyết : Không

*Prerequisites* : *None*

Học phần sẽ nghiên cứu những vấn đề cơ bản và thực hành về kế toán tài chính trong các loại hình kinh doanh. Sử dụng các ứng dụng máy tính trong học phần này là một yêu cầu bắt buộc.

*Introduction to financial accounting practice. For business majors. Laboratory and/or class compute applications required.*

### **9.13. Giới thiệu về luật và các giao dịch kinh doanh (*Legal and Business Transactions*)**

Mã số - *Code* : BLAW220

Số tín chỉ - *Credit* : 3

Điều kiện tiên quyết : Không

*Prerequisites* : *None*



Học phần giới thiệu luật pháp và hệ thống pháp luật hiện hành trong lĩnh vực thương mại, đặc biệt chú trọng đến những quy định pháp luật trong giao dịch, buôn bán và hợp đồng thương mại. Những nội dung liên quan đến vai trò và chức năng của bộ máy tư pháp, các yếu tố của luật dân sự và luật hình sự cùng với những vấn đề đáng chú ý của luật pháp.

*Introduction to law and the legal system in today's business world. Special emphasis is given to contracts, sales, and commercial paper. An example of the role and function of the judiciary, elements of civil and criminal lawsuits, and other emerging areas of the law, including alternative dispute resolution.*

#### **9.14. Môi trường pháp lý trong hoạt động kinh doanh (*Legal and Regulatory Environment of Business*)**

Mã số - *Code* : BLAW320

Số tín chỉ - *Credit* : 3

Điều kiện tiên quyết : BLAW320

*Prerequisites* : *BLAW320*

Học phần nghiên cứu các loại hình doanh nghiệp, luật lao động, luật đầu tư chứng khoán, luật bảo vệ môi trường, các vấn đề ảnh hưởng đến uy tín của doanh nghiệp và các vấn đề kinh doanh quốc tế. Đồng thời học phần cũng xem xét những tác động ảnh hưởng của yếu tố xã hội, văn hóa, kinh tế đến các loại hình doanh nghiệp trong nước và công ty đa quốc gia. Nghiên cứu các mối quan hệ giữa chính phủ và giới kinh doanh, các vấn đề đạo đức trong kinh doanh.

*An examination of the forms of business organizations, employment law, securities law, environmental law, anti-trust issues, and international transactions. A consideration of the social, cultural and economic influences on domestic and multinational corporations. Exploration of the relationship of government to business. Introduction to business ethics.*

#### **9.15. Kinh tế lượng và ứng dụng trong kinh tế và kinh doanh (*Econometrics and application to business and economics*)**

Mã số - *Code* : MATH115B

Số tín chỉ - *Credit* : 4

Điều kiện tiên quyết : Không

*Prerequisites* : *none*

Môn học sẽ tập trung giới thiệu các kỹ thuật ước lượng, hiệu chỉnh mô hình hồi quy một phương trình, phương pháp phân tích tính đúng đắn về mặt kỹ thuật cũng như về kinh tế của mô hình. Ngoài ra, môn học còn trang bị cho sinh viên cách thức vận

dụng các công cụ phân tích định lượng vào một số vấn đề kinh tế, quản trị kinh doanh trên cơ sở sử dụng phần mềm chuyên dùng để khai thác và phân tích các cơ sở dữ liệu kinh tế của Việt Nam và thế giới.

*This course provides estimates, regression techniques, one variable regression model, understanding the technical and economic implications. Besides, this course provides students with analysis techniques using in economics, business administration based on the use of software application and analyze the economic databases of Vietnam and the World.*

#### **9.16. Thống kê kinh doanh (*Business Statistics*)**

Mã số - <i>Code</i>	: IS310
Số tín chỉ - <i>Credit</i>	: 3
Điều kiện tiên quyết	: MATH115
<i>Prerequisites</i>	: <i>MATH115</i>

Ứng dụng các giải pháp thống kê kinh doanh. Những nội dung chính bao gồm: thu thập và tổ chức dữ liệu, lý thuyết xác suất, xác định mức độ tập trung và phân kỳ, dự báo và kiểm định giả thuyết, hồi quy đơn giản, phân tích tương quan. Học phần này cũng sẽ giúp sinh viên khả năng sử dụng các phần mềm thống kê.

*Application of statistics to business problems. Data collection and organization, probability theory, measures of central tendency and dispersion, hypothesis testing and estimation, simple regression, and correlation. Use of statistical software.*

#### **9.17. Đạo đức học căn bản (*Introduction to Ethics*)**

Mã số - <i>Code</i>	: PHIL160
Số tín chỉ - <i>Credit</i>	: 3
Điều kiện tiên quyết	: Không
<i>Prerequisite</i>	: <i>None</i>

Môn học đưa ra các khái niệm về đúng và sai, tốt và xấu, và áp dụng các nguyên tắc đạo đức cho các vấn đề của cuộc sống hàng ngày. Xây dựng các kế hoạch bài tập, các hoạt động, và thảo luận để phát triển tư duy phê phán bằng miệng và bằng văn bản, kỹ năng phân tích để bổ sung cho bài giảng.

*Concepts of right and wrong, good and bad, and the application of moral principles to problems of everyday life. Planned exercises, activities, and discussion to develop oral and written critical thinking and analytical skills to complement lectures.*

### **9.18. Quyết định tranh luận (*Critical Reasoning*)**

Mã số - *Code* : PHIL170

Số tín chỉ - *Credit* : 3

Điều kiện tiên quyết : Không

*Prerequisite* : *None*

Học phần này nhằm nâng cao tư duy rõ ràng, chính xác, theo trật tự và hợp lý; bao gồm suy diễn, quy nạp và việc sử dụng ngôn ngữ một cách chính xác. Môn học này nhằm khám phá khả năng ứng dụng tư duy logic vào thực tế.

*Elements of clear, straight, orderly and valid thought, including deductive and inductive reasoning and the accurate use of language. This course explores practical applications of logic.*

### **9.19. Đạo đức trong kinh doanh (*Business Ethics*)**

Mã số - *Code* : PHIL400

Số tín chỉ - *Credit* : 3

Điều kiện tiên quyết : Không

*Prerequisite* : *None*

Học phần nghiên cứu các bối cảnh đạo đức khác nhau có thể xảy ra trong tổ chức kinh doanh và đưa ra những khái niệm, công cụ để quản trị những xung đột này nhằm tạo giá trị tốt nhất cho cá nhân, tổ chức và xã hội.

*Various types of ethical dilemmas that take place in business organizations and acquire concepts and tools needed to manage these complex value conflicts for the well being of individuals, organizations, and society.*

### **9.20. Kế toán chi phí cho nhà quản trị (*Cost Accounting for Managers*)**

Mã số - *Code* : ACCT310

Số tín chỉ - *Credit* : 3

Điều kiện tiên quyết : ACCT 201 .

*Prerequisites* : *ACCT 201.*

Những nội dung chủ yếu bao gồm sử dụng và hiểu các báo cáo tài chính; đánh giá hệ thống thông tin kế toán; hạch toán và phân tích chi phí; quản trị số liệu kế toán phục vụ cho quá trình ra kế hoạch và quyết định.

*Use and interpretation of financial statement. Evaluation of accounting information systems. Accounting for and analysis of costs. Managerial use of accounting data for planning and decision making.*

### 9.21. Kinh doanh quốc tế (*International Businesses*)

Mã số - *Code* : CBA300

Số tín chỉ - *Credit* : 3

Điều kiện tiên quyết : Không

*Prerequisites* : *None*

Học phần này giới thiệu bản chất, những khía cạnh khác nhau và môi trường của kinh doanh quốc tế. Nhấn mạnh vào các chức năng kinh doanh, thực hành, và các quyết định khi bị chi phối bởi các nhân tố tổ chức, xã hội, kinh tế, chính trị và văn hóa.

*Introduction to nature, dimensions, and environment of international business. Emphasis on business functions, practices, and decisions as influenced by cultural, political, economic, social, and institutional factors in various parts of world. Diffusion of information technology.*

### 9.22. Kinh tế học quản lý (*Managerial Economics*)

Mã số - *Code* : ECON 333

Số tín chỉ - *Credit* : 3

Điều kiện tiên quyết : ECON100, ECON101 và MATH115

*Prerequisite* : *ECON100, ECON101 and MATH115*

Học phần tập trung vào việc giới thiệu nhiều vấn đề các nhà quản lý thường gặp. Cùng với các vấn đề đó, sinh viên sẽ được tạo cơ hội đưa ra và phát triển các chiến lược và các công cụ để giải quyết vấn đề.

Mục tiêu của học phần là (i) Tăng cường hiểu biết cho sinh viên về các loại vấn đề mà những nhà quản lý công ty gặp phải, (ii) Tăng cường những kiến thức, trực giác về kinh tế liên quan đến các vấn đề đó, (iii) Cung cấp cho sinh viên những công cụ hữu hiệu và đặc lực để có thể tìm ra giải pháp giải quyết các vấn đề đó.

*The intention of this course is to introduce to you a wide variety of problems faced by managers. Faced with these problems, you will be given the opportunity to develop strategies and tools for solving the problems.*

*In detail, the goals for this course are for you to (i) develop greater knowledge of the types of problems faced by firm managers, (ii) improve your economic intuition concerning these problems, (iii) provide you with powerful tools and instruct you to find solutions to these problems.*

### 9.23. Tài chính kinh doanh (*Business Finance*)

Mã số - <i>Code</i>	: FIN300
Số tín chỉ - <i>Credit</i>	: 4
Điều kiện tiên quyết	: ECON100, 101, MATH115, ACCT201.
<i>Prerequisite</i>	: <i>ECON100, 101, MATH115, ACCT201.</i>

Đây là học phần giới thiệu về tất cả các yếu tố chính trong kinh doanh, việc áp dụng công nghệ thông tin và hệ thống quản lý thông tin trong các hoạt động tài chính như: (1) Đánh giá giá trị thời gian của Tiền vốn, Rủi ro, Chi phí vốn, Cơ cấu Vốn, (2) các phương thức huy động vốn (3) Các quyết định tài chính dài hạn (4) Các chính sách quản lý Vốn lưu động (5) các vấn đề liên quan khác như Sáp nhập, Phá sản, Tài chính Quốc tế.

*An introductory course for all business majors, integrating computer applications and management information systems in the following areas of finance: (1) Time Value of Money, Risk, Valuation, Cost of Capital, Capital Structure; (2) Capital Budgeting; (3) Long -Term Financing Decisions; (4) Working Capital Policy and Management; (5) Financial Analysis and Planning; (6) Special topics including; Mergers, Bankruptcy.*

### 9.24. Hành vi tổ chức (*Organizational Behavior*)

Mã số - <i>Code</i>	: HRM360
Số tín chỉ - <i>Credit</i>	: 3
Điều kiện tiên quyết	: Không
<i>Prerequisite</i>	: <i>None</i>

Khái quát về sự thay đổi của hành vi con người trong tổ chức và những hàm ý đối với quản trị. Những vấn đề nghiên cứu bao gồm: những động lực, tính cách và thái độ, sự hiểu biết của con người, nhóm và đội, những tiêu chuẩn, sức mạnh và chính trị, xung đột, giao tiếp, thiết kế công việc, văn hoá tổ chức, sự thay đổi tổ chức, lãnh đạo và những vấn đề về văn hoá.

*Overview of the dynamics of human behavior in organization and implications for management. Motivation, personality and attitudes, human perceptions, groups and teams, norms, power and politics, conflict, learning, communication, job design, organizational culture, organizational change, leadership and cross-cultural issues.*

### 9.25. Nguyên lý quản trị (*Principles of Management*)

Mã số - <i>Code</i>	:MGMT300
Số tín chỉ - <i>Credit</i>	: 3

Điều kiện tiên quyết : Không

*Prececruisite* : *None*

Học phần giới thiệu về chức năng quản trị với các lý thuyết và khái niệm cơ bản của quản trị như lên kế hoạch, tổ chức, vai trò lãnh đạo và kiểm soát. Học phần cũng hệ thống lại những cải cách trong suy nghĩ của nhà quản trị, chức năng và thực tế quản trị đang được quan tâm trong môi trường hiện nay cũng như làm rõ các khái niệm mới phát sinh trong môi trường kinh doanh hiện đại.

*Principles and theories of management, organization theory, planning and control techniques. Management of the overall organization and the production/operations systems of organizations.*

### **9.26. Chiến lược và chính sách kinh doanh (*Business Strategy and Policy*)**

Mã số - *Code* : MGMT425

Số tín chỉ - *Credit* : 3

Điều kiện tiên quyết : ACCT310 hoặc ACCT320, FIN300, MGMT300, MKTG300, IS301

*Prerequisite* : *ACCT310 or ACCT320, FIN300, MGMT300, MKTG300, IS301*

Học phần tập trung vào việc vận dụng các lý thuyết và kỹ năng từ các học phần kinh doanh khác. Học phần sử dụng phương pháp chủ yếu là nghiên cứu điển hình và những giả định kinh doanh để hình thành nên các chiến lược kế hoạch kinh doanh. Sinh viên phải viết báo cáo về chiến lược kinh doanh.

*Integration and application of knowledge theories and techniques derived from the study of business disciplines. Use of the case method and business simulations to formulate business strategies and plans. Written reports required.*

### **9.27. Marketing (*Marketing*)**

Mã số - *Code* : MKTG300

Số tín chỉ - *Credit* : 3

Điều kiện tiên quyết : Không

*Prerequisite* : *None*

Học phần sẽ tập trung nghiên cứu mối quan hệ giữa hệ thống marketing với các hoạt động khác trong doanh nghiệp; giữa các doanh nghiệp với môi trường marketing thế giới và nội địa; các tác động kinh tế và xã hội của hoạt động marketing; tác động hành vi con người lên marketing, giao tiếp, hệ thống thông tin, vấn đề quản trị và giải pháp.

*Relation of marketing system to other activities in the firm. Firms and domestic and world marketing environments. Economic and social effects on marketing. Human behavior's effects on marketing, communications, information systems, management problems and their solutions.*

### **9.28. Hệ thống thông tin quản lý (Management Information Systems)**

Mã số - *Code* : IS300

Số tín chỉ - *Credit* : 3

Điều kiện tiên quyết : Không.

*Prerequisites* : *None*

Khái niệm và các bộ phận cấu thành hệ thống thông tin, sự vận dụng trong các tổ chức đương đại, sự phát triển và quản lý hệ thống thông tin và các xu hướng tương lai trong hệ thống thông tin và công nghệ. Các dự án theo nhóm máy tính yêu cầu thống nhất và vận dụng dựa trên hiểu biết về khái niệm và kỹ thuật hệ thống thông tin trong môi trường kinh doanh.

*Information systems concepts and components, contemporary organizational applications, development and management of information systems, and future trends in information systems and technologies. Computer - based team projects requiring the integration and application of conceptual and skills - oriented information systems knowledge in a business environment.*

### **9.29. Giao tiếp kinh doanh (Business Communication)**

Mã số - *Code* : IS301

Số tín chỉ - *Credit* : 3

Điều kiện tiên quyết : Không

*Prerequisites* : *None*

Học phần tập trung nghiên cứu những nguyên tắc thu thập, tổ chức, phân tích và trình bày các thông tin kinh doanh. Các vấn đề cơ bản của giao tiếp và giải quyết tình huống trong quá trình quản trị kinh doanh cũng sẽ được đề cập.

*Analysis of principles of collecting, organizing, analyzing, and presenting business information. Written and oral communications involving problem solving in the business management process.*

### **9.30. Tiền tệ thị trường vốn (Capital Markets)**

Mã số - *Code* : FIN360

Số tín chỉ - *Credit* : 4

Điều kiện tiên quyết : FIN300

*Prerequisites* : *FIN300*

Môn học nghiên cứu các công thức vốn, các chỉ số, thị trường và các tổ chức tài chính. Phân tích các dòng vốn và luân chuyển vốn, các cấu trúc lãi suất, rủi ro và tính thanh khoản. Môn học cũng sẽ nghiên cứu việc quản lý các tổ chức tài chính.

*Capital formation, rates, markets and institutions. Flow of fund analysis, intermediation, interest rate structures, risks and liquidity. Management of financial institutions.*

### **9.31. Nguyên lý đầu tư (*Investment Principles*)**

Mã số - *Code* : FIN350

Số tín chỉ - *Credit* : 4

Điều kiện tiên quyết : FIN300

*Prerequisites* : *FIN300*

Môn học nghiên cứu về các thị trường đầu tư và các giao dịch, nguồn thông tin của các hoạt động đầu tư và tư vấn, vấn đề lợi nhuận và rủi ro, kinh doanh chênh lệch giá và các hoạt động bán khống, lập kế hoạch đầu tư, đầu tư chứng khoán và các giấy tờ có giá, đầu tư các khoản đầu tư được miễn giảm thuế, vàng và các tài sản hữu hình khác, quản lý danh mục đầu tư. Ngoài ra, môn học còn ứng dụng các công nghệ tin học trong các lĩnh vực nêu trên, bao gồm cả cách tiếp cận các nguồn thông tin dữ liệu sẵn có của các nhà đầu tư.

*Investment markets and transaction; sources of investment information and advice; return vs. risk; margin trading and short selling; investment planning; investing in equities and fixed income securities; speculative tax-sheltered investments; gold and other tangibles; portfolio management. Demonstrations and use of microcomputer technology in the above areas, including accessing various databases available to the investor.*

### **9.32. Quản trị tài chính (*Intermediate Financial Management*)**

Mã số - *Code* : FIN400

Số tín chỉ - *Credit* : 4

Điều kiện tiên quyết : FIN300, ACCT310 hoặc 320, IS301

*Prerequisites* : *FIN300 and ACCT310 or 320, IS301*

Đây là môn học ở mức độ nâng cao về quản trị tài chính, kết hợp với các ứng dụng của công nghệ tin học và hệ thống thông tin quản lý vào các lĩnh vực quản trị tài chính. Môn học nghiên cứu một tình huống và yêu cầu sử dụng máy vi tính và phần mềm thích hợp để phân tích và đánh giá. Các nội dung chính bao gồm: đảm bảo



mức tiền mặt, nguồn huy động vốn, sự kết hợp trong kinh doanh, sáp nhập, chi phí vốn, và các hoạt động tài chính quốc tế.

*An intermediate level course in financial management integrating computer applications and management information systems into the area of financial functions and decisions. The course is primarily a case study and requires use of the computer and appropriate software. The main areas of concentration are: cash budgeting, capital budgeting, business combinations and mergers, cost of capital, and international finance.*

### **9.33. Tài chính quốc tế (*International Finance*)**

Mã số - *Code* : FIN490

Số tín chỉ - *Credit* : 4

Điều kiện tiên quyết : FIN300, IS301

*Prerequisites* : *FIN300; suggested, CBA300; IS301*

Môn học nghiên cứu các lý thuyết kinh doanh quốc tế, thanh toán quốc tế, sự biến động giá trị các loại tiền tệ và tỷ giá, các thị trường vốn quốc tế, vai trò của các nước đang phát triển, các tổ chức quốc tế, các công ty đa quốc gia. Môn học cũng yêu cầu sinh viên phải tự nghiên cứu tài liệu.

*International trade theories, international payments; currency value fluctuations and exchange rates; international capital markets; roles of developing countries; international institutions and multi-national enterprises. Individual research required.*

### **9.34. Nguyên lý rủi ro và bảo hiểm (*Insurance Principles*)**

Mã số - *Code* : FIN330

Số tín chỉ - *Credit* : 4

Điều kiện tiên quyết : FIN350

*Prerequisites* : *FIN350*

Môn học nghiên cứu các vấn đề cơ bản liên quan đến yếu tố rủi ro và sự cần thiết của hoạt động bảo hiểm, các nhu cầu của các cá nhân đối với bảo hiểm nhân thọ và bảo hiểm tài sản. Các loại hình thị trường bảo hiểm và các nhà cung cấp dịch vụ, các mô hình tổ chức và chức năng của nhà cung cấp dịch vụ bảo hiểm, các quy định có liên quan đến hoạt động này.

*Principles of risk-bearing and insurance; life and property-liability insurance needs of the individual. Types of carriers and insurance markets; organization and functions of carriers; industry regulation.*

### 9.35. Nguyên lý kinh doanh bất động sản (*Real Estate Principles*)

Mã số - *Code* : FIN340

Số tín chỉ - *Credit* : 4

Điều kiện tiên quyết : Không

*Prerequisites* : *none*

Môn học cung cấp tổng quan về thị trường bất động sản, định chế và hoạt động từ quan điểm của người ra quyết định liên quan tới phát triển bất động sản, đầu tư tài chính và vốn cổ phần. Khảo sát những nghiên cứu mang tính nền tảng về luật pháp, quản lý, điều chỉnh kinh tế, tính toán và thuế ảnh hưởng tới quyết định về bất động sản và giá trị bất động sản. Xem xét các lĩnh vực hỗ trợ và quyết định liên quan đến bất động sản gồm: môi giới, quản lý bất động sản, thẩm định giá và tư vấn.

*Overview of real estate markets, institutions and activities from the perspective of the decision makers involved in real estate development, financing and equity investment. The fundamental physical, legal, regulatory, economic, mathematical and taxation considerations influencing real estate decision and values are investigated. The real estate decision support areas of brokerage, property management, appraisal and counseling are examined.*

### 9.36. Quản lý vốn lưu động và lập ngân sách tiền mặt (*Working Capital Management and Cash Budgeting*)

Mã số - *Code* : FIN370

Số tín chỉ - *Credit* : 4

Điều kiện tiên quyết : FIN300

*Prerequisite* : *FIN300*

Môn học giới thiệu về quản lý vốn lưu động và chính sách nói chung và cách quản lý tài sản và nợ ngắn hạn nói riêng. Dự đoán và lập ngân sách tiền mặt, đầu tư ngắn hạn và hoạt động tài chính sẽ được nghiên cứu trong môn học.

An introduction to working capital management and policy issues in general and how to manage short-term assets and liabilities in particular. Cash forecasting and budgeting and short-term investing and financing will be the focus of the course.

### 9.37. Phái sinh và phát triển thị trường (*Derivates and Futures Markets*)

Mã số - *Code* : FIN480

Số tín chỉ - *Credit* : 4

Điều kiện tiên quyết : FIN300 và 350, IS301

*Prerequisites* : *FIN350 and 350, IS301*

Môn học nghiên cứu về thị trường tương lai bao gồm cả những phân tích về trung tâm giao dịch, về các hoạt động của các thành viên của thị trường, về cơ chế giao dịch, cách thức xây dựng và phân tích mức chấp nhận rủi ro của các cá nhân đầu tư và thảo luận về những yếu tố truyền thống trong các quyết định đầu tư chẳng hạn như xây dựng danh mục đầu tư 2 tài sản. Ngoài ra, môn học còn nghiên cứu các ví dụ mang tính lý thuyết về vấn đề mang tính chủ quan trong nhận định về giá cả của các hợp đồng tương lai, các lý thuyết về chi phí giao dịch, hành vi của những nhà đầu cơ và về những biến động tự nhiên của giá hợp đồng tương lai.

*The study of futures markets includes an analysis of the exchanges, the operation of member firms, the mechanics of trading, the construction of a personal-risk profile analysis and the discussion of traditional decision variables, including the construction of a 2-asset portfolio. Included is a solid theoretical examination of the question of bias in futures prices, the theory of the price of storage, ledger and speculator behavior, and the stochastic nature of the futures prices.*

### **9.38. Quản trị ngân hàng thương mại (Commercial bank Management)**

Mã số - Code : NEUFIN200

Số tín chỉ - Credit : 4

Điều kiện tiên quyết : Không

*Prerequisites* : None

Môn học Quản trị ngân hàng thương mại đề cập đến các hoạt động kinh doanh ngân hàng, một lĩnh vực kinh doanh thường xuyên đổi mới trong những năm gần đây, nhằm thích ứng với những điều kiện kinh tế năng động và những điều chỉnh của luật pháp. Môn học tập trung vào các phương tiện quản trị ngân hàng thương mại, đề cập đến việc vận hành các nguyên tắc và kỹ thuật đối với các ngân hàng thương mại trong quá trình thực hiện các chức năng của chúng. Bên cạnh việc phân tích các kỹ năng quản trị ngân hàng hiện đại của từng ngân hàng, nội dung môn học còn nhấn mạnh ý nghĩa và tầm quan trọng mang tính xã hội và vai trò của tiền tệ trong hệ thống ngân hàng thương mại hiện đại.

*This course discusses bank's operations, one of the innovative industries in recent time, in order to keep up with the dynamic economy and legal regulations. This course focuses on techniques used in bank financial management and operating principles. Along with analysis of management principles, this course also emphasizes the social importance and the role of money in the modern commercial bank system.*

### 9.39. Phân tích chứng khoán (*Security Analysis*)

Mã số - <i>Code</i>	: FIN450
Số tín chỉ - <i>Credit</i>	: 4
Điều kiện tiên quyết	: FIN350, IS301
<i>Prerequisites</i>	: <i>FIN350, IS301</i>

Môn học ứng dụng việc sử dụng công nghệ tin học và phần mềm trong phân tích chứng khoán như phân tích trái phiếu và thị trường trái phiếu, cổ phiếu và thị trường cổ phiếu, định giá chứng khoán, phân tích các yếu tố thị trường và kỹ thuật, quản lý danh mục đầu tư, phân tích mối quan hệ rủi ro – lợi nhuận. Hệ thống các chương trình phần mềm có thể sử dụng để phân tích tất cả các khía cạnh của chứng khoán và quản lý danh mục đầu tư, bao gồm cả việc tiếp cận và sử dụng một số các cơ sở dữ liệu phục vụ cho việc phân tích đầu tư.

*Use of microcomputer technology to perform security analysis including bonds and the bond market, stocks and the stock market, security valuation, fundamental and technical analysis, portfolio management and risk-reward relationships.*

*A review of the various microcomputer software programs available to perform all aspects of security analysis and portfolio management, including accessing and utilization of the numerous databases available to the investment analyst.*

### 9.40. Chứng khoán thu nhập cố định (*Fixed Income Securities*)

Mã số - <i>Code</i>	: FIN485
Số tín chỉ - <i>Credit</i>	: 4
Điều kiện tiên quyết	: FIN 350, IS301
<i>Prerequisites</i>	: <i>FIN 350, IS 301.</i>

Môn học phân tích những chứng khoán thu nhập cố định, chứng khoán thu nhập cố định quyền chọn và chứng khoán phái sinh. Môn học nghiên cứu phương pháp phân tích thời gian và độ lồi, phương pháp sử dụng chỉ số dao động stochastic lãi suất và các phương pháp nghiên cứu khác. Môn học cũng sẽ giới thiệu các phương thức mới của các chứng khoán thu nhập cố định, các loại trái phiếu có bảo đảm, các chứng khoán bảo đảm bằng tài sản và kỹ thuật kinh doanh chênh lệch lãi suất.

The course analyzes fixed income securities, option embedded fixed income securities and interest rate derivatives. Usual duration and convexity analysis, and the interest rate stochastic processes and other forecasting techniques will be studied. New breeds of fixed income securities, various collateralized bond obligations and other asset backed securities, and interest rate arbitrage techniques will be introduced.

#### **9.41. Thực hành quản trị danh mục đầu tư (*Applied Portfolio Management*)**

Mã số - <i>Code</i>	: FIN499A-B
Số tín chỉ - <i>Credit</i>	: 4
Điều kiện tiên quyết	: FIN350, 400, 450
<i>Prerequisites</i>	: <i>FIN350, 400, 450</i>

Môn học sẽ yêu cầu sinh viên tham gia quản lý một danh mục đầu tư thật. Các nghiên cứu, giám sát và phân tích chứng khoán cũng như những kiến nghị về mua và bán của các nhà đầu tư – sinh viên sẽ được thực hiện bởi công nghệ phần mềm và dịch vụ thông tin online. Kết hợp với các báo cáo tài chính định kỳ nửa năm về các hoạt động của quỹ đầu tư. Môn học đòi hỏi sự phân tích thị trường, phân tích ngành, và phân tích doanh nghiệp với sự thuyết trình của cá nhân và nhóm nghiên cứu, đồng thời kết hợp với các nghiên cứu khác từ bên ngoài.

*Participation in the management of an actual investment portfolio. Research, monitor, and analyze securities and make buy and sell recommendations for a student-managed investment fund utilizing state-of the-art computer software and on-line information data retrieval services. Contribute to the publication of a semi-annual report of the activities of the fund. Market, sector and firm analysis with individual and group presentations and outside research required.*

#### **9.42. Nghiên cứu độc lập về tài chính (*Independent study in Finance under professor's guidance*)**

Môn điều kiện cần học theo sự chỉ dẫn của giáo viên. Các vấn đề nghiên cứu thêm do sinh viên lựa chọn theo sở thích và những vấn đề tài chính đang được quan tâm nhằm nâng cao sự nghiên cứu của sinh viên.

*Students select a research topic of their choice in the area of finance and/or hot topics in finance in order to increase the student's research skills.*

#### **PHÊ DUYỆT CHƯƠNG TRÌNH TIÊN TIẾN**

Ngày..... tháng.... năm.....

**HIỆU TRƯỞNG**

**GS.TS NGUYỄN VĂN NAM**